**Trường THCS LÝ THƯỜNG KIỆT**

**Tổ: Toán GV: Nguyễn Văn Đức**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tên bài dạy**

**Bài 9. CĂN BẬC BA**

**Thời lượng: 1 tiết- tuần 7**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức:** Học sinh hiểu được khái niệm căn bậc ba và kiểm tra được một số là căn bậc ba của một số khác .

**2. Năng lực**

- *Năng lực chung*: Đọc và tìm hiểu sgk về nội dung bài học, hợp tác, giao tiếp thảo luận nhóm hiệu quả, sử dụng ngôn ngữ toán học chính xác.

- *Năng lực chuyên biệt*: Hiểu được một số tính chất của căn bậc ba

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức, tập trung, tự giác, tích cực trong nhiệm vụ được phân công

- Hợp tác, giúp đỡ bạn cùng hoàn thành nhiệm vụ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Kế hoach dạy học, máy tính, ti vi,

**2. Học sinh:** Xem trước bài, thực hiện các hướng dẫn của tiết học trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Ôn lại một số kiến thức về căn bặc hai.

**b) Nội dung: HS hoàn thành hai bài toán trắc nghiệm nhanh.**

**Câu 1: *Điền vào chỗ chấm (....) để đ­ược khẳng định đúng***

a) Căn bậc hai của một số a ................. là số x sao cho ........

b) Với số a d­ương có đúng ......căn bậc hai là:……và ……

c) Số....có một căn bậc hai là chính số 0.

 d) Với a ≥ 0 và b ≥ 0 ta có $a<b⇔\sqrt{…}<\sqrt{…}$ ; $\sqrt{ab}=\sqrt{…} .\sqrt{…}$

 e) Với a ≥ 0, b > 0 ta có $\sqrt{\frac{a}{b}}=\frac{…}{…}$

**Câu 2:*Các khẳng định sau đúng (Đ) hay sai (S), hãy sửa lại.***

 a) Căn bậc hai của 121 là 11

 b) Mọi số tự nhiên đều có căn bậc hai.

 c) Căn bậc hai số học của 81 là 9 và -9

**c) Sản phẩm:**

**Câu 1: *Điền vào chỗ chấm (....) để đ­ược khẳng định đúng***

a) Căn bậc hai của một số a **không âm** là số x sao cho **x2 = a**

b) Với số a d­ương có đúng **hai** căn bậc hai là: $\sqrt{a}$ và $-\sqrt{a}$

c) Số **0** có một căn bậc hai là chính số 0.

 d) Với a ≥ 0 và b ≥ 0 ta có $a<b⇔\sqrt{a}<\sqrt{b}$ **;** $\sqrt{ab}=\sqrt{a}.\sqrt{b}$

 e) Với a ≥ 0, b > 0 ta có $\sqrt{\frac{a}{b}}=\frac{\sqrt{a}}{\sqrt{b}}$

**Câu 2:*Các khẳng định sau đúng (Đ) hay sai (S), hãy sửa lại.***

 a) Sai, sửa lại: Căn bậc hai của 121 là 11 và – 11 .

 b) Đúng.

 c) Sai, sửa lại: Căn bậc hai số học của 81 là 9.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa câu hỏi lên ti vi (màn chiếu)

- Cả lớp nghiên cứu và gọi hs lần lượt hoàn thành các yêu cầu của bài toán.

- Các hs khác chú ý theo dõi, đưa ra nhận xét câu trả lời của bạn

- GV chốt kiến thức, cho điểm hs.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khái niệm căn bậc ba**

**a) Mục tiêu:** Hs nắm được khái niệm căn bậc ba.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Hs biết sử dụng kí hiệu và tìm được căn bậc ba của một số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |  **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**Gv giới thiệu về bài toán, yêu cầu cả lớp cùng đọc đề bài toán.GV đặt câu hỏi:- Thể tích hình lập phương được tính theo công thức nào? Từ đó tìm ra cách giải bài toán.- Từ 43 = 64, người ta gọi 4 là căn bậc ba của 64. Vậy căn bậc ba của một số a là một số x như thế nào?- Với a > 0, a < 0, a = 0 mỗi số a có bao nhiêu căn bậc 3 - yêu cầu hs tìm hiểu ví dụ 1.HS giải ?1 theo bài mẫu**\* Thực hiện nhiệm vụ**- HS tìm câu trả lời cho các câu hỏi (làm việc độc lập)- GV hướng dẫn HS lập phương trình giải bài toán.- GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ **\* Báo cáo,thảo luận**- HS đứng tại chỗ nêu cách giải bài toánGV giới thiệu: Từ 43 = 64 người ta gọi 4 là căn bậc ba của 64.- HS nêu định nghĩa căn bặc ba- 4 hs lên bảng làm nhanh ?1Các hs khác cùng làm và theo dõi nhận xét bài của bạn.**\* Kết luận, nhận định**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HSGV nhấn mạnh lại định nghĩa.GV nhấn mạnh sự khác nhau giữa căn bậc ba và căn bậc hai, giới thiệu kí hiệu căn bậc ba GV đưa ra nhận xét như sgk. | ***1. Khái niệm căn bậc ba:****Định nghĩa* : ( Sgk)*Ví dụ:* 2 là căn bậc 3 của 8  -5 là căn bậc ba của -125\* *Mỗi số a đều có duy nhất một căn bậc ba* Kí hiệu: *Chú ý :* ?1 Tìm căn bặc ba của mỗi số sau:a) $\sqrt[3]{27}=\sqrt[3]{3^{3}}=3$b) $\sqrt[3]{-64}=\sqrt[3]{\left(-4\right)^{3}}=-4$c) $\sqrt[3]{0}=\sqrt[3]{0^{3}}=0$d) $\sqrt[3]{\frac{1}{125}}=\sqrt[3]{\left(\frac{1}{5}\right)^{3}}=\frac{1}{5}$*Nhận xét:* ( sgk)  |

**Hoạt động 2: Tính chất**

**a) Mục tiêu:** Hs nắm được các tính chất căn bậc ba

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV

**c) Sản phẩm:** Hs vận dụng được các tính chất của căn bậc ba để làm một số ví dụ

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ**- Từ tính chất của căn bậc hai, các em có dự đoán gì về tính chất của căn bậc ba ?HS đọc VD2, VD3 HS cả lớp giải ?2 theo 2 cáchGV cho HS trả lời câu hỏi đã đặt ra ở đầu bài**\* Thực hiện nhiệm vụ**HS làm việc độc lập, hoang thành các yêu cầu gv đưa- GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ  ra**\* Báo cáo, thảo luận**GV giới thiệu các tính chất của căn bậc ba thông qua việc nhắc lại tính chất của căn bậc hai?2 HS lên bảng trình bày?2, mỗi HS một cách HS trả lời câu hỏi đã đặt ra ở đầu bài**\* Kết luận, nhận định**Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HSGV nhấn mạnh lại tính chất. | ***2. Tính chất*** a) a < b $⇔$ $\sqrt[3]{a}<\sqrt[3]{b}$b) $\sqrt[3]{ab}=\sqrt[3]{a}\sqrt[3]{b}$c) Với b$\ne $0 ta có: $\sqrt[3]{\frac{a}{b}}=\frac{\sqrt[3]{a}}{\sqrt[3]{b}}$*Ví dụ 2:* *Giải.**Ta có: 2 =* $\sqrt[3]{8}>\sqrt[3]{7}$ *( vì 8 > 7).* *nên 2 >* $\sqrt[3]{7}$*Ví dụ 3: Giải.*$$\sqrt[3]{8a^{3}}-5a=\sqrt[3]{8}\sqrt[3]{a}-5a$$$=2a-5a=-3a$?2. TínhCách 1: $$\sqrt[3]{1728}:\sqrt[3]{64}=\sqrt[3]{1728:64}=\sqrt[3]{27}=\sqrt[3]{3^{3}}=3$$Cách 2: $$\sqrt[3]{1728}:\sqrt[3]{64}=\sqrt[3]{12^{3}}:\sqrt[3]{4^{3}}=12:4=3$$ |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYÊN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Hs áp dụng được các kiến thức vừa học để giải một số bài tập cụ thể..

**b) Nội dung:** Bài tập 67; 68; 69

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| GV yêu cầu cả lớp làm bài 67a,b và 68aHS làm việc cá nhân3 HS lên bảng làm 3 câu, các hs khác theo dỗi nhận xét.GV nhận xét, chốt kiến thức | Bài 67. Hãy tìm1. $\sqrt[3]{512}=\sqrt[3]{8^{3}}=8$
2. $\sqrt[3]{-729}=\sqrt[3]{\left(-9\right)^{3}}=-9$

Bài 68. Tính1. $\sqrt[3]{27}-\sqrt[3]{-8}-\sqrt[3]{125}=3-\left(-2\right)-5$

$=0$  |

**D. HOẠT ĐỘNG VÂN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** HS biết sử dụng máy tính bỏ túi tìm căn bặc ba của một số

**b) Nội dung:** Tìm $\sqrt[3]{1728}; \sqrt[3]{11390,625}; \sqrt[3]{-12,167}$

**c) Sản phẩm:** Kết quả hoạt động của học sinh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| GV đưa nội dung bài toán lên bảng, yêu cầu hs dùng máy tính bỏ túi tìm các căn bặc ba.GV hướng dẫn HS cách dùng máy tính để tìm căn bậc ba của một số.HS lấy máy tính và thao tác theo hướng dẫn của gv | $\sqrt[3]{1728}=12;$ $ \sqrt[3]{11390,625}=22,5;$ $ \sqrt[3]{-12,167}=-2,3$  |

**HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

- Xem lại bài học hôm nay

- Hoàn thành các bài tập còn lại cảu bài 67, 68, 69.

- chuẩn bị bài cho tiết ôn tập chương 1.

---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------